UBND XÃ NAM MINH
TRƯỜNG TIỂU HỌC NAM TIẾN
Số: 22 /QĐ-THNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Nam Minh, ngày 03 tháng 04 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Thông báo công khai thu chi ngân sách Quý I năm 2026

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC, ngày 15/6/2017 về hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Căn cứ Quyết định số 1765/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 của Chủ tịch UBND xã Nam Minh về việc giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2026;

Căn cứ vào đối chiếu tình hình sử dụng ngân sách của trường Tiểu học Nam Tiến tại KBNN Khu vực V-PGD số 6;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai tình hình thực hiện thu, chi ngân sách Quý I năm 2026 của trường Tiểu học Nam Tiến (Theo biểu đính kèm).

Điều 2: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày kí.

Điều 3: Bộ phận Tài vụ và các bộ phận có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như điều 3
- Phòng KT-HT
- Phòng VH-XH
- Lưu VT

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TIỂU HỌC NAM TIẾN

Lê Thị Hạnh

Được quét bằng CamScanner

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường Tiểu học Nam Tiến

Chương: 822

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2026

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Nghìn đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện Qúy I năm 2026	Ước thực hiện/dự toán năm (Tỷ lệ %)	Ước thực hiện qúy I năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**				
I	**Số thu phí, lệ phí**				
1	Lệ phí				
	Lệ phí				
2	Phí				
3	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ				
4	Thu sự nghiệp khác				
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**				
1	*Chi sự nghiệp từ nguồn học phí*				
2	*Chi quản lý hành chính*				
3	*Chi sự nghiệp khác*				
2	***Chi quản lý hành chính***				
a	Kinh phí thực hện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	**Số phí, lệ phí nộp NSNN**				
1	Lệ phí				
	Lệ phí				
2	Phí				
	Phí				
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**10,914,518**	**2,853,105**	**26.1**	
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**10,914,518**	**2,853,105**	**26.1**	
1	**Chi quản lý hành chính**	**0**	**0**		
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**				
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	**10,914,518**	**2,853,105**	**26.1**	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	9 895 021	2.853.105	28.8	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1,019,497	0	0.0	
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**				
5	**Chi bảo đảm xã hội**				
6	**Chi hoạt động kinh tế**				
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**				
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**				
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**				
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**				
II	**Nguồn vốn viện trợ**				
III	**Nguồn vay nợ nước ngoài**				

Nam Minh, ngày 03 tháng 04 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị

TRƯỜNG TIỂU HỌC NAM TIẾN

Lê Thị Hạnh

Được quét bằng CamScanner

Trường Tiểu học Nam Tiến
Chương : 622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NSNN QÚY I - NĂM 2026

I/ Tổng kinh phí đã thực hiện: **2 853 105 949 đồng**

Trong đó: 1, Kinh phí tự chủ: 2 853 105 949 đồng

2. Kinh phí không tự chủ: đồng

2.1, Kinh phí không tự chủ: đồng

Thuyết minh chi tiết: ĐVT: Đồng

TT	Nội dung chi	Kinh phí đã sử dụng	Ghi chú
I	**KP thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm**	**2,853,105,949**	
1	Lương theo ngạch, bậc	1,183,637,041	
2	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	172,690,896	
3	Phụ cấp chức vụ	21,762,000	
4	Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	7,500,000	
5	Phụ cấp ưu đãi nghề	401,549,850	
6	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	702,000	
7	Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	223,026,570	
8	Phụ cấp khác	2,106,000	
9	Chi khác	118,000,000	
10	Bảo hiểm xã hội	266,506,900	
11	Bảo hiểm y tế	45,686,898	
12	Bảo hiểm thất nghiệp	15,228,965	
13	Chi khác	8,751,600	
14	Tiền điện	6,435,799	
15	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	27,000,000	
16	Vật tư văn phòng khác	21,295,440	
17	Thuê bao kênh vệ tinh; thuê bao cáp truyền hình; cước phí Internet; thuê đường truyền mạng	4,350,000	
18	Phụ cấp công tác phí	699,460	
19	Thuê lao động trong nước	30,926,800	
20	Nhà cửa	49,950,000	
21	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	136,933,000	
22	Tài sản và thiết bị khác	36,660,730	
23	Chi mua hàng hóa, vật tư	24,716,000	

Được quét bằng CamScanner

24	Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành	10,400,000	
25	Chi khác	14,040,000	
26	Chi các khoản khác	2,650,000	
27	Chi kỷ niệm các ngày lễ lớn	19,900,000	
II	**KP không thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm**	**0**	
	Tổng cộng	**2,853,105,949**	

Nam Minh, ngày 03 tháng 04 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

TRƯỜNG TIỂU HỌC NAM TIẾN

Lê Thị Hạnh

Được quét bằng CamScanner